TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2026
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điển

Ông Trịnh Hữu Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Quy là Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: bà Hà Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp về ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Quản Thị T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn 19, xã Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn 19, xã Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T mặt; ông Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ bà Quản Thị T trình bày: bà T và ông Đ đã tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tiến hành đăng ký kết hôn ngày 12/02/1997, tại Uỷ ban nhân dân xã Đạ Oai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng – nay là xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn cả hai cư trú và sinh sống tại xã Đạ Oai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng). Trong thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh nhiều mâu Tẫn,

nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể thông cảm, chia sẻ cho nhau, ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, say sỉn rồi đánh đập vợ con; bà T đã từng nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn vào năm 2012. Cùng năm 2012, ông Đ bỏ nhà đi khỏi địa phương, không liên lạc gì về cho gia đình, cũng không thông báo với chính quyền địa phương, gia đình đã tìm kiếm nhưng không rõ ông Đ đi đâu, không có tin tức gì về ông Đ. Năm 2025 bà T đã yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng tuyên bố ông Nguyễn Văn Đ mất tích bằng quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2025/QĐST-VDS ngày 05/9/2025. Từ ngày Tòa án tuyên bố ông Đ mất tích đến nay ông Đ chưa từng xuất hiện, cũng chưa từng liên lạc về với gia đình. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà T cũng không biết ông Đ đang ở đâu, mâu Tẫn vợ chồng không thể hòa giải nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Quản Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải, sinh ngày 11/3/1998; Nguyễn Thị Ánh, sinh ngày 21/10/2001. Hiện nay các con đã thành niên và đã có cuộc sống riêng nên bà T không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: bà T và ông Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà T và ông Đ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ do đã bỏ đi khỏi địa phương và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân khu vực 5 –Lâm Đồng đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ không có mặt để lấy lời khai và hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 56 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Do 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/3/1998; Nguyễn Thị Á, sinh ngày 21/10/2001 đã thành niên và có cuộc sống riêng, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Quản Thị T và ông Nguyễn Văn Đ sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 12/02/1997 tại Uỷ ban nhân dân xã Đạ Oai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng – nay là xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, ông Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú cuối cùng tại thôn 1, xã Đạ Oai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là thôn 19, xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Nay bà T có đơn yêu cầu ly hôn căn cứ vào khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng.

[2] Bà Quản Thị T và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu Tẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, chia sẻ cho nhau, ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, say sỉn rồi đánh đập vợ con. Năm 2012 ông Đ bỏ nhà đi không báo cho ai cũng không liên lạc về với gia đình, bà T và gia đình đã tìm kiếm suốt nhiều năm nhưng không có tin tức của ông Đ nên bà T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đ mất Tích. Tòa án đã thông báo tìm kiếm ông Đ trên các kênh thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức. Ngày 05/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 02/2025/QĐST-VDS tuyên bố ông Nguyễn Văn Đ mất tích.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Như vậy cho đến thời điểm này tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Đ là không còn, hai người không còn sống chung với nhau nhiều năm, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông Đ bỏ nhà đi mà không liên lạc, không cùng với bà T xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ ngày ông Đ bỏ đi đến nay một mình bà T vừa nuôi dạy con vừa chăm lo kinh tế gia đình. Mặt khác, Tòa án cũng đã có thông báo tìm kiếm nhưng không có thông tin gì về ông Đ. Do vậy, mâu Tẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có cơ sở.

[3] Về con chung: bà T và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải, sinh ngày 11/3/1998; Nguyễn Thị Ánh, sinh ngày 21/10/2001. Hiện nay các con đã thành niên và đã có cuộc sống riêng nên bà T không có yêu cầu gì về con chung. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ngày 06/02/2026 thể hiện bà T và ông Đ có 02 người con gái hiện đã trưởng thành, có công ăn việc làm, có cuộc sống riêng và không Tộc trường hợp nhận trợ cấp của nhà nước do đó bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là có cơ sở và Hội Đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà T trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Quản Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên bà T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là phù hợp.

Ông Nguyễn Văn Đ đã mất tích, Tòa án cũng đã thực hiện đầy đủ các bước tống đạt trong quá trình thụ lý, giải quyết theo quy định, tại phiên tòa ông Đ không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, điều 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn Cứ: Điều 28, điều 35, 39, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 1 điều 238, điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn Cứ: Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn Cứ: Khoản 2 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Quản Thị T đối với ông Nguyễn Văn Đ trong việc tranh chấp ly hôn với người mất tích.

Về hôn nhân: bà Quản Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/3/1998; Nguyễn Thị Á, sinh ngày 21/10/2001 đã thành niên, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài nợ chung: bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Quản Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Quản Thị T đã nộp theo biên lai số 0006649 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Lâm Đồng. Bà Quản Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nông Văn Điển - Trịnh Hữu Vĩnh	**Nghiêm Văn Hải**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng – Phòng THADS khu vực 5 – Lâm Đồng;
- UBND xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nghiêm Văn Hải